

✓
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 816/TB-UBND

Uông Bí, ngày 14 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023 trình HĐND cấp huyện

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

UBND thành phố thông báo công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023 trình HĐND cấp huyện;

(Có biểu số liệu và thuyết minh kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND thành phố Uông Bí.

UBND thành phố Uông Bí Thông báo để các cơ quan, Phòng, ban, ngành, HĐND, UBND các phường, xã được biết./.

Nơi nhận:

- TT TT & VH;
- Lưu VT, TCKH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tiệp

BÁO CÁO

Thuyết minh số liệu dự toán ngân sách Thành phố và phương án phân bổ ngân sách năm 2023 trình HĐND cấp Thành phố (Kèm theo Thông báo số 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của UBND Thành phố)

I. Chỉ đạo và nguyên tắc xây dựng dự toán NSNN 2023

1. Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Trên cơ sở Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2023;

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 như sau:

II. Dự toán thu NSNN năm 2023

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán, các thuận lợi, khó khăn trong năm 2022, dự báo thuận lợi, khó khăn của năm 2023, cụ thể như sau:

* *Thuận lợi*: Được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự hỗ trợ, phối hợp ngày càng chặt chẽ của các ngành, các cấp, địa phương của thành phố; sự nỗ lực khắc phục khó khăn của các tổ chức, cá nhân trong việc duy trì sản xuất kinh doanh và ý thức ngày càng cao trong việc chấp hành các Luật thuế, thực hiện nộp đúng, nộp đủ, nộp kịp thời các khoản thuế, phí vào Ngân sách Nhà nước cùng với sự nỗ lực không ngừng của cán bộ, công chức ngành Tài chính trên địa bàn. Tình hình dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ du lịch trong đà hồi phục.

* *Khó khăn và các tác động*: (i) Tình hình thế giới dự kiến tiếp tục bất ổn, giá nguyên, nhiên, vật liệu tăng mạnh, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trung ương có khả năng vẫn duy trì các chính sách miễn giảm thuế, phí làm ảnh hưởng đến số thu NSNN; (ii) Ngành than có đóng góp lớn cho số thu ngân sách nội địa của thành phố, tuy nhiên hoạt động sản xuất kinh doanh lại phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố thời tiết, tình hình tiêu thụ...; (iii) Dự báo thị trường kinh doanh bất động sản tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2023; (iv) Cơ chế điều hành của tỉnh hạn chế việc tăng thu tiền sử dụng đất.

Trên cơ sở Tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách và đầu tư XDCB năm 2023 và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách nhà nước của tỉnh, UBND thành phố xây dựng dự toán thu NSNN cân đối trên địa bàn năm 2023 giữ nguyên so với dự toán tỉnh giao (tuy nhiên, so với dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2022 tỉnh giao thành phố thu sau khi đã loại trừ tiền sử dụng đất đạt 109%). Trong quá trình thực hiện, mức tăng cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn để phân đấu hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán tỉnh giao.

Dự toán thu ngân sách nhà nước

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: **3.532 tỷ đồng**; trong đó:

+ Thu cân đối trên địa bàn: **3.532 tỷ đồng** (thu tiền sử dụng đất 350 tỷ đồng, thu thuế phí: 3.182 tỷ đồng), trong đó:

* *Cục thuế thu*: 2.558 tỷ đồng;

* *Chi cục thuế thu*: 974 tỷ đồng (thu tiền sử dụng đất 350 tỷ đồng, thu thuế phí: 624 tỷ đồng).

- Tổng thu ngân sách địa phương: **887,015 tỷ đồng**, trong đó:

+ Thu cân đối trên địa bàn **885,785 tỷ đồng** (thu tiền sử dụng đất 175 tỷ đồng, thu thuế phí: 710,785 tỷ đồng), trong đó:

* *Cục thuế thu*: 406,630 tỷ đồng;

* *Chi cục thuế thu*: 479,155 tỷ đồng.

III. Về cân đối thu, chi ngân sách địa phương năm 2023

Sau khi Quốc hội, Chính phủ quy định lại tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết ngân sách TW và địa phương năm 2023, UBND tỉnh Quảng Ninh đã trình HĐND tỉnh Quảng Ninh điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết cho ngân sách cấp huyện, cấp xã. Đối với thành phố Uông Bí giảm tỷ lệ (%) điều tiết từ 56% xuống 51% đối với 04 sắc thuế: thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Các xã, phường thuộc thành phố đang hưởng tỷ lệ điều tiết 56% đối với 04 sắc thuế trên cũng giảm tỷ lệ (%) điều tiết xuống 51%. Các tỷ lệ (%) điều tiết khác giữ ổn định như năm 2022.

Phường Quang Trung điều chỉnh giảm tỷ lệ (%) điều tiết thuế thu nhập cá nhân từ 10% (chuyển nhượng bất động sản) và 12% (trường hợp còn lại) xuống 5%.

Trên cơ sở quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương nêu trên, số thu ngân sách địa phương được hưởng các cấp cụ thể như sau:

- Ngân sách thành phố: 833,467 tỷ đồng, bằng 98% dự toán năm 2022. Trong đó, tiền sử dụng đất là 175 tỷ đồng, bằng 85% dự toán năm 2022; thuế, phí là 658,467 tỷ đồng, bằng 94% dự toán năm 2022.

- Ngân sách xã, phường (thuế, phí): 52,318 tỷ đồng, bằng 104% dự toán năm 2022.

IV. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023

Tổng chi NS địa phương năm 2023: 887,015 tỷ đồng (Thành phố: 799,880 tỷ đồng; Xã, phường: 87,135 tỷ đồng). Trong đó: chi đầu tư phát triển 226,800 tỷ đồng, chi thường xuyên 641,269 tỷ đồng, trích dự phòng ngân sách 17,716 tỷ đồng, chi bổ sung có mục tiêu 1,23 tỷ đồng.

1. Dự toán chi đầu tư phát triển

1.1. Ngân sách thành phố

Nguyên tắc: Bố trí dự toán chi đầu tư XDCB từ các nguồn thu tiền sử dụng đất, phí tham quan khu di tích thắng cảnh Yên Tử, phí bảo vệ môi trường từ khai thác than (phần còn lại sau khi đã cân đối chi thường xuyên) và các khoản tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên.

Theo dự toán tình giao cho thành phố năm 2023, các khoản thu trong cân đối ngân sách địa phương dành cho nhiệm vụ đầu tư phát triển là 196,8 tỷ đồng, giảm so với dự toán tình giao năm 2022 là 18,2 tỷ đồng. UBND thành phố dự kiến tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023 để bổ sung nguồn vốn đầu tư **30 tỷ đồng** thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế, chỉnh trang đô thị. Tổng vốn chi đầu tư XDCB năm 2023 là **226,8 tỷ đồng**, chiếm tỷ trọng 25,6% tổng chi ngân sách địa phương (tăng 3,4% so với dự toán tình giao tương ứng với 30 tỷ đồng tiết kiệm chi thường xuyên), từ các nguồn như sau:

+ *Nguồn thu tiền sử dụng đất: 175 tỷ đồng;*

+ *Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản than: 11,8 tỷ đồng;*

+ *Nguồn thu phí Yên Tử: 10 tỷ đồng;*

+ *Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên: 30 tỷ đồng.*

Phân bổ cụ thể cho các loại công trình như sau:

- + Công trình hoàn thành : 1,0 tỷ đồng bằng 0,4% KH vốn;
- + Công trình chuyển tiếp : 151,484 tỷ đồng bằng 69% KH vốn;
- + Công trình khởi công mới: 10,0 tỷ đồng bằng 2,2% KH vốn;
- + Kế hoạch vốn chưa phân bổ: 64,316 tỷ đồng bằng 28,4% KH vốn, bao gồm (1) Dự kiến phân bổ cho các dự án xin ý kiến HĐND Tỉnh bố trí kế hoạch vốn năm 2023: 22,516 tỷ đồng bằng 10% KH vốn; (2) Dự kiến phân bổ cho dự án chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố: 30 tỷ đồng bằng 13,2% KH vốn; (3) Dự kiến phân bổ cho dự án bảo vệ và đầu tư cho môi trường: 11,8 tỷ đồng bằng 5,2% KH vốn.

1.2. Ngân sách tỉnh

Ngân sách tỉnh bổ sung là 80 tỷ để thực hiện dự án tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ QL 18A đến QL10 và đường 10 làn xe thành phố Uông Bí.

2. Dự toán chi thường xuyên

Bố trí ngân sách đảm bảo nhu cầu chi theo hướng ưu tiên cho con người, đảm bảo an sinh xã hội; trong khi nhu cầu chi của các đơn vị dự toán, UBND các xã, phường là rất lớn; Các đơn vị dự toán, UBND các xã, phường cần chủ động rà soát, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, lồng ghép các chương trình, đảm bảo triệt để tiết kiệm và thực hành tiết kiệm ngay từ khâu lập dự toán. Với quan điểm tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, ngân sách thành phố vẫn tiếp tục tiết kiệm *chi thường xuyên từ các sự nghiệp* để bổ sung vào chi đầu tư phát triển 30 tỷ đồng.

Chi thường xuyên năm 2023 là 641,269 tỷ đồng (NS thành phố: 555,877 tỷ đồng; NS xã, phường: 85,392 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 72,4% tổng chi ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

+ Chi sự nghiệp giáo dục:	238,172 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp đào tạo:	13,984 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp y tế:	20,816 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp VH TT, TT, PTTT:	11,308 tỷ đồng
+ Chi đảm bảo xã hội:	40,848 tỷ đồng
+ Chi An ninh	5,684 tỷ đồng
+ Chi quốc phòng:	14,188 tỷ đồng
+ Chi quản lý hành chính:	125,786 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	92,202 tỷ đồng

+ Chi sự nghiệp môi trường:	77,863 tỷ đồng
+ Chi khác:	14,402 tỷ đồng

* Về việc giao mức tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập: Căn cứ vào ước thực hiện thu năm 2022 và dự kiến thu năm 2023, tiếp tục giao tự chủ 100% chi thường xuyên cho 05 đơn vị: Ban QL chợ Trung Tâm, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban QL dự án Đầu tư và Xây dựng Thành phố, Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất, Ban Quản lý Di tích và Rừng Quốc gia Yên Tử; tiếp tục giao tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên cho 04 đơn vị¹: 01 đơn vị tự chủ 60% (Đội kiểm tra Trật tự đô thị và Môi trường); 01 đơn vị tự chủ 40% (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên), 01 đơn vị tự chủ 20% (Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp); 01 đơn vị tự chủ 10% (Trung tâm Truyền thông và Văn hóa); Bổ sung giao tự chủ một phần kinh phí cho 09 trường THCS và 02 trường mầm non (thuộc đơn vị dự toán cấp 1 phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố)²,

* Về kinh phí chỉnh trang đô thị giao trong sự nghiệp kinh tế là 77 tỷ đồng, phân bổ cho sửa chữa các công trình 47 tỷ đồng; Phân bổ cho công tác điện chiếu sáng, duy trì chăm sóc cây xanh...30 tỷ đồng.

3. Dự toán chi dự phòng ngân sách

Chi dự phòng ngân sách năm 2023 là **17,716 tỷ đồng** (Trích 2% trên tổng chi theo quy định Điều 10 Luật NS mức bố trí từ 2% đến 4%), trong đó:

- + NS thành phố 15,973 tỷ đồng;
- + NS xã, phường 1,743 tỷ đồng.

V. Cơ chế biện pháp điều hành ngân sách năm 2023

1. Chấp hành nghiêm Luật Ngân sách nhà nước. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý tài chính - ngân sách, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, cụ thể:

a) Tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững; quá trình tổ chức thực hiện dự toán thu, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phấn đấu tăng thu NSNN (phần thuế, phí) ở mức cao nhất.

b) Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu NSNN, thực hiện nghiêm Luật quản lý thuế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu ngân sách, chống thất thu thuế; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế, tăng thu ngân

¹ Năm 2023 điều chỉnh tỷ lệ tự chủ một số đơn vị cho phù hợp: Tăng mức tự chủ cho đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên từ 30% lên 40%.

² Trường THCS Trần Quốc Toàn, Nguyễn Trãi, Nam Khê, Trung Vương, Yên Thanh, Nguyễn Văn Cừ, Phương Đông, Phương Nam, Bắc Sơn; Trường Mầm non Thanh Sơn và Phương Đông.

sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật;

c) Điều hành chi ngân sách địa phương chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, “*lợi ích nhóm*” ngay từ khâu xác định nhiệm vụ chi; cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên; giảm tối đa kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm, hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát trong nước và nước ngoài; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công. Việc chuyển nguồn vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 phải tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp, đơn vị dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo nguyên tắc triệt để tiết kiệm, đúng mục tiêu, nội dung của từng nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền giao.

e) Tổ chức việc ra soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức.

f) Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Năm 2023 thực hiện điều chỉnh giảm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội khóa XV: Ngân sách Trung ương 49% (tăng 5%) - Ngân sách địa phương 51% (giảm 5%).

Cơ bản giữ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ 04 khoản thu sau: (1) Thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh giảm từ 56% xuống 51% theo quy định chung (các trường hợp quy định dưới 51% thì được giữ nguyên như Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND); (2) Thuế thu nhập cá nhân của phường

Quang Trung được điều chỉnh giữa cấp huyện và cấp xã, theo đó cấp xã được hưởng tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết là 5%.

3. Bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành công tác thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất 01 lần năm 2023-2025:

Từ năm 2023 chỉ thực hiện thu tiền thuê đất 01 lần đối với các dự án chuyển tiếp từ năm 2022, dự án đã có quyết định, chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thu tiền thuê đất 01 lần cho cả thời gian thuê. Trường hợp phát sinh mới phải đảm bảo các điều kiện, yêu cầu (quyết định dự án cụ thể) theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương thu chi ngân sách nhà nước trong quá trình quản lý, điều hành số thu tiền sử dụng đất, thành phố có trách nhiệm tổ chức thu tiền sử dụng đất đảm bảo theo dự toán được Tỉnh giao. Chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất Tỉnh giao là mức tối đa, số vượt thu dự toán Tỉnh giao (*trừ tiền sử dụng đất phát sinh từ việc giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân tái định cư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong khu dân cư hiện trạng đã được quy hoạch, dự án giao đất hỗn hợp để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thương mại nhưng trong đó có một phần đất ở đô thị, và đất thuộc các dự án đã đăng ký danh mục để tổ chức đấu giá thu tiền sử dụng đất từ đầu năm*) thì được điều tiết về ngân sách tỉnh để cân đối cho chi đầu tư xây dựng, các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh.

Đối với số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất 01 lần (trừ tiền thuê đất hằng năm) từ các dự án mà Tỉnh đã bỏ vốn đầu tư GPMB, xây dựng hạ tầng tạo nên quỹ đất thì khi thực hiện giao đất, đấu thầu, đấu giá thì toàn bộ số thu đó được điều tiết về ngân sách tỉnh.

4. Từ năm 2023 tăng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho khối giáo dục và đào tạo để đảm bảo nguyên tắc tối thiểu tỷ lệ (%) giữa tiền lương và chi hoạt động thường xuyên khác là 81/19 được quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (1) Cơ sở giáo dục trên địa bàn phường, Trung tâm GDTX và hướng nghiệp dạy nghề định mức chi 27 triệu đồng/biên chế/năm; (2) Cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã định mức chi 31 triệu đồng/biên chế/năm.

Điều chỉnh tăng mức phân bổ dự toán chi hoạt động chung của ngành giáo dục từ 5% lên 15% tính trên định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên để hỗ trợ thêm chi phí thuê bảo vệ, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ, chi phí vệ sinh môi trường chung trường lớp học...ngoài các nội dung chi đã quy định cụ thể tại Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Từ năm 2023, ngân sách nhà nước bố trí dự toán chi sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học thuộc các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn với định mức phân bổ 100 triệu đồng/điểm trường lẻ và 250 triệu đồng/trường trung tâm.

6. Từ năm 2023 tăng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khối cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và quản lý hành chính nhà nước cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:

DVT: Triệu đồng/người/năm

Tiêu chí phân bổ cho khối cơ quan hành chính cấp huyện	ĐM phân bổ tại NQ số 66	BS định mức chi	ĐM phân bổ năm 2023
Cơ quan Đảng, Văn phòng HĐND và UBND	98	24	122
Các tổ chức chính trị - xã hội	79	20	99
Các cơ quan hành chính nhà nước còn lại và các Hội được giao biên chế	60	15	75

DVT: Triệu đồng/người/năm

Tiêu chí phân bổ cho khối xã, phường, thị trấn	ĐM phân bổ tại NQ số 66	BS định mức chi	ĐM phân bổ năm 2023
Xã, phường, thị trấn hành chính loại I	48	12	60

DVT: Triệu đồng/người/năm

Tiêu chí phân bổ cho đơn vị sự nghiệp công thuộc cấp huyện quản lý	ĐM phân bổ tại NQ số 66	BS định mức chi	ĐM phân bổ năm 2023
Các đơn vị thuộc thành phố	39	7	46

Tại thời điểm hiện nay, toàn thành phố có 10 hợp đồng 68 được giao và 05 hợp đồng làm việc tại Trung tâm hành chính công thành phố. Ngân sách nhà nước đảm bảo tiền công, tiền lương và hoạt động thường xuyên khác theo chế độ, chính sách cho đối tượng hợp đồng 68 tại các cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công (không có nguồn thu đảm bảo chi thường xuyên) theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ (bao gồm cả các đối tượng hợp đồng có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tạm giao làm việc tại Trung tâm hành chính công thành phố). Mức chi thường xuyên khác (ngoài tiền lương, phụ cấp) không quá 70% định mức chi thường xuyên của cán bộ, công chức cùng cơ quan, đơn vị.

Ngân sách nhà nước đảm bảo các chế độ phụ cấp theo quy định và kinh phí bằng định mức chi theo biên chế được giao đối với số định biên cựu chiến binh đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp người có công với cách mạng hàng tháng đang công tác tại cơ quan Hội Cựu chiến binh cấp huyện.

7. Chuyển nhiệm vụ chi của phòng Nội vụ và Thanh tra nhà nước từ cơ quan Đảng về quản lý nhà nước do sắp xếp lại mô hình cơ quan cấp huyện theo Quyết định số 755/QĐ/TU ngày 26/9/2022 của Tỉnh ủy Quảng Ninh, định mức chi khác năm 2023 là 75 triệu đồng/biên chế/năm.

8. Bổ sung thêm 10 triệu đồng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của thôn, bản, khu phố tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 207/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về số lượng, chức danh, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Triệu đồng/Thôn, bản, khu phố/ năm

Tiêu chí phân bổ	ĐM phân bổ tại NQ số 207	BS định mức chi	ĐM phân bổ năm 2023
Thôn, bản, khu phố loại I	120	10	130
Thôn, bản, khu phố loại II	110	10	120

9. Về cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương từ các nguồn: (1) Một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; (2) Tiết kiệm 10% chỉ thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); (3) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang; (4) 70% tăng thu ngân sách huyện, xã năm 2022 thực hiện so với dự toán được UBND cấp trên giao.

10. Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thành việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo nguyên tắc tỷ lệ (%) tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022.

11. Trích 40% nguồn thu phí tham quan danh thắng Khu di tích Yên Tử cho Ban quản lý di tích và rừng quốc gia Yên Tử, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước được dành để chi đầu tư cho các dự án, công trình liên quan với mục tiêu tôn tạo, bảo tồn, phát huy giá trị của danh thắng - di tích Yên Tử;

12. Nguồn thu tiền sử dụng đất phần nộp ngân sách sau khi đảm bảo bố trí đủ kinh phí cho công tác quản lý đất đai: thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất

đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính,... theo nhu cầu thực tế phát sinh³ được dành toàn bộ cho nhiệm vụ đầu tư phát triển;

Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương.

(Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định về cơ chế và biện pháp điều hành ngân sách nhà nước năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ điều chỉnh nội dung cho phù hợp với tỉnh).

VI. Tổ chức, quản lý điều hành ngân sách

1. Tổ chức điều hành thu ngân sách nhà nước

Duy trì phát huy hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo điều hành ngân sách cấp huyện, cấp xã; xây dựng kịch bản thu, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực thu, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, hàng quý. Thực hiện hiệu quả các chuyên đề thu theo kế hoạch của UBND tỉnh, thành phố. Xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả, đặc biệt chỉ đạo các ngành có liên quan tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Chi cục Thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên: xây dựng kế hoạch thu chi tiết theo từng đơn vị, hàng tháng, quý; có giải pháp hoàn thành dự toán cả về tiền sử dụng đất, thuế phí. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch thanh tra, kiểm tra tài chính, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch được giao; bổ sung lực lượng đáp ứng việc triển khai kế hoạch thanh tra. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong công tác chống thất thu thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả... Giảm tỷ lệ nợ thuế trên tổng thu ngân sách, không để phát sinh nợ mới. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, hàng quý. Đồng thời, xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch: phối hợp với Chi cục Thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên và các đơn vị liên quan tham mưu tốt công tác thu ngân sách nhà nước, kịp thời báo cáo UBND thành phố có giải pháp điều hành thu ngân sách linh hoạt, chủ động. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về công tác quản lý thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu mà Tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố giao.

³ Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp cùng các phòng, ban liên quan, UBND các xã, phường trình giá đất, giá thuê đất; hoàn chỉnh các thủ tục cho tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng đất trong thời gian ngắn nhất tính từ khi có Quyết định nộp tiền. Phối hợp với các phòng, ban tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kịp thời, đảm bảo tiến độ. Thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Thành phố theo nhiệm vụ được giao.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục tổ chức triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, biện pháp và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội và công tác thu, chi ngân sách đã đề ra; nâng cao chất lượng, vai trò, hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường; phối hợp với các Đội thuế tích cực khai thác có hiệu quả các nguồn thu, chủ động giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; chú trọng, tập trung về công tác thu thuế, phí; kiểm soát hết các đối tượng nộp thuế đảm bảo hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách ở mức cao nhất.

e) Kho bạc Nhà nước Thành phố: Có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đến nộp thuế, phí và các khoản thu khác nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ; phối hợp thu nợ đọng thuế, thực hiện các Lệnh thu NSNN do cơ quan Thuế phát hành; cung cấp kịp thời thông tin về người nộp thuế, báo cáo thu theo yêu cầu của cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật.

f) Các phòng, ban ngành, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ cụ thể tại phân công nhiệm vụ của Ban tăng cường thu ngân sách Thành phố.

2. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

UBND các xã, phường và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức quản lý điều hành, kiểm soát chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

a) Căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm nguồn thu cân đối so với dự toán giao, đồng thời ngân sách các cấp không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì các đơn vị cần phải chủ động rà soát, sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để sắp xếp, cắt giảm các nhiệm vụ chi hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án để đảm bảo cân đối theo dự toán đã giao.

Các cơ quan đơn vị được giao đầu mỗi triển khai nhiệm vụ có trách nhiệm đề xuất phân khai nguồn kinh phí được giao, báo cáo UBND thành phố xong trước quý II/2023. Sau ngày 30/6/2023, giao Phòng Tài chính rà soát, báo cáo UBND thành phố phương án điều chỉnh, điều hòa trình HĐND thành phố tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải

kip thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2023 nhưng chưa được bố trí đủ vốn. Hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn phân bổ chi đầu tư phát triển dự toán đầu năm, kế hoạch phân bổ chi thường xuyên (sự nghiệp) của các dự án chuyển tiếp trước ngày 30/9/2023 theo tiến độ thu. Đối với các dự án khởi công mới: hoàn thành việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu trước ngày 31/3/2023.

b) Kết thúc năm 2023, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương, tỉnh ban hành trong đó chi tiết kết quả đối với từng chính sách, chế độ an sinh xã hội, gửi Phòng Tài chính trước ngày 20/2/2024. Để tổng hợp báo cáo Sở tài chính theo quy định.

3. Việc xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước. Việc điều chỉnh dự toán theo Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước. Việc xử lý kết dư ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau:

Các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách ngân sách địa phương; cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2022 của UBND Thành phố trình HĐND cấp Thành phố./. *h*

Nơi nhận:

- TT HĐND TP;
- TT UBND TP;
- TT Truyền thông & VH;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu VP, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tiệp
Nguyễn Đức Tiệp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
TỔNG NGUỒN THU NSDP	903.139	1.445.207	887.015,00	(559.422)	61,3
I	902.166	1.090.598	885.785,00	(204.813)	81,2
1	305.888	315.151	262.000,00	(53.151)	83,1
2	596.278	775.447	623.785,00	(151.662)	80,4
II	973	28.142	1.230,00	(28.142)	0,0
1				-	
2	973	28.142	1.230,00	(28.142)	0,0
III		43.275		(43.275)	0,0
IV	-	282.943	-	(282.943)	0,0
V		248			
B	902.166	1.445.207	887.015,00	(559.422)	61,3
I	890.545	1.412.853	885.785,00	(527.068)	62,7
1	257.886	348.526	226.800,00	(121.726)	65,1
2	608.477	674.512	641.269,00	(33.243)	95,1
3		-		-	
4		-		-	
5	19.740	-	17.716,00	17.716	
6	4.442	331.195	-	(331.195)	
7		58.620			
8		-			
II		-		-	
1		-		-	
2		-		-	
III	11.621	32.354		(32.354)	
IV			1.230		



**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ
NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2023**

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	852.603	1.303.500	834.696,90	(470.033,03)	63,94
1	Thu NS được hưởng theo phân cấp	851.630	1.013.514	833.466,90	(180.046,72)	82,24
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	973	28.142	1.230	(28.141,70)	-
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách				-	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	973	28.142	1.230,00	(28.141,70)	-
3	Thu kết dư		37.941	-	(37.940,74)	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	223.655	-	(223.654,87)	-
5	Thu NS cấp dưới nộp trả		248			
II	Chi ngân sách	852.603	1.303.500	834.696,90	(19.135,69)	97,76
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	819.534	1.261.459	799.880,00	(20.884,03)	97,45
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	33.069	42.041	34.816,90	1.748,34	105,29
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	33.069	33.069	34.816,90	1.748,34	105,29
-	Chi bổ sung có mục tiêu	-	8.972		-	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau (*)				-	



STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
	B NGÂN SÁCH CẤP XÃ				-	
I	Nguồn thu ngân sách	83.605	183.748	87.135,00	(96.613,00)	47,42
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	50.536	77.084	52.318,10	(24.765,90)	67,87
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	33.069	42.041	34.816,90	(7.224,10)	82,82
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	33.069	33.069	34.816,90	1.748,34	105,29
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	8.972		(8.972,44)	-
3	Thu kết dư		5.335		-	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (*)		59.289		-	
II	Chi ngân sách	83.605	183.500	87.135,00	3.530,03	104,22
1	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp xã	83.605	183.500	87.135,00	3.530,03	104,22
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	Ước thực hiện thu năm 2022		Dự toán thu năm 2023		So sánh (%)	
	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
Tổng thu trên địa bàn	3.812.556	1.090.598	3.532.000	885.785	92,6	81,2
1 Thu từ DN nhà nước	2.043.120	246.904	2.046.000	246.690,00	100,1	99,9
1.1 Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý	2.039.190	244.703	2.043.000	245.160,00	100,2	100,2
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.476	13.017	82.000	9.840,00	75,6	75,6
- Thuế tài nguyên	1.188.000	142.560	1.200.000	144.000,00	101,0	101,0
- Thuế giá trị gia tăng	742.715	89.126	761.000	91.320,00	102,5	102,5
- Thu khác	-	-	-	-	-	-
1.2 Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	3.930	2.201	3.000	1.530,00	76,3	69,5
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.630	1.473	1.800	918,00	68,4	62,3
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng	1.300	728	1.200	612,00	92,3	84,0
2 Thu doanh nghiệp có vốn ĐTNN	83.189	-	400	-	0,5	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.377	-	200	-	14,5	-
- Thuế tài nguyên	80.350	-	-	-	0,0	-
- Thuế giá trị gia tăng	1.462	-	200	-	13,7	-
3 Thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh	458.230	269.897	306.000	167.085	66,8	61,9



STT	Nội dung	Ước thực hiện thu năm 2022			Dự toán thu năm 2023			So sánh (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.000	103.600	28.000	14.280,00	15,1	13,8		
	- Thuế tài nguyên	30.200	30.200	22.500	22.500,00	74,5	74,5		
	- Thuế giá trị gia tăng	242.600	135.856	255.000	130.050,00	105,1	95,7		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	430	241	500	255,00	116,3	105,9		
4	Thuế thu nhập cá nhân	150.000	83.908	101.000	51.510,00	67,3	61,4		
5	Thuế bảo vệ môi trường	100.000	-	157.000	-	157,0	-		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	100.000	-	157.000	-	157,0	-		
6	Lệ phí trước bạ	82.800	82.800	93.000	93.000,00	112,3	112,3		
7	Thu phí, lệ phí	93.116	91.304	99.000	96.080	106,3	105,2		
-	Phí và lệ phí trung ương	1.500	-	-	-	0,0	-		
-	Phí và lệ phí tỉnh	76.000	75.688	81.200	78.000,00	106,8	103,1		
-	Phí và lệ phí huyện	15.000	15.000	17.600	17.600,00	117,3	117,3		
-	Phí và lệ phí xã, phường	616	616	200	480,00	32,5	77,9		
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	8.000	8.000	8.000,00	100,0	100,0		
9	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	115.000	85.062	42.000	42.000,00	36,5	49,4		
10	Thu tiền sử dụng đất	380.000	205.000	350.000	175.000,00	92,1	85,4		
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	250.000	6.500	283.000	3.000,00	113,2	46,2		
12	Thu khác ngân sách	48.500	10.623	45.900	3.000,00	94,6	28,2		
13	Thu đất công hoa lợi	600	600	700	420,00				
14	Thu ngoài cân đối (đóng góp CSHT)	-	-	-	-				

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ
THEO CẤU CẢU CHI NĂM 2023**

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Ngân sách địa phương 1=2+3	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện 2	Ngân sách cấp xã 3
A	B			
	TỔNG CHI NSDP	887.015,00	799.880,00	87.135,00
A	CHI CÁN ĐỐI NSDP	885.785,00	798.650,00	87.135,00
I	Chi đầu tư phát triển (1)	226.800,00	226.800,00	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	226.800,00	226.800,00	-
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	-		
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	12.000,00	12.000,00	
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	-		
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	-		
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	175.000,00	175.000,00	-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-		
3	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	641.269,00	555.877,00	85.392,00
	<i>Trong đó:</i>	-		



STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	238.172,00	237.916,00	256,00
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	-		
III	Dự phòng ngân sách	17.716,00	15.973,00	1.743,00
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
V	Chi trả nợ NS tỉnh	-		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-		-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	-		-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-
D	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CỦA NST	1.230,00	1.230,00	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Nội dung	Dự toán
A		B	I
TỔNG CHI			834.696,90
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI		34.816,90
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC		798.650,00
I	Chi đầu tư phát triển (2)		226.800,00
II	Chi thường xuyên		555.877,00
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		237.916,00
2	Chi khoa học và công nghệ (3)		
3	Chi quốc phòng		10.213,00
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		1.947,00
5	Chi y tế, dân số và gia đình		20.816,00
6	Chi văn hóa thông tin, thể thao, truyền thanh, truyền hình		8.950,00
7	Chi bảo vệ môi trường, đô thị		77.863,00
8	Chi các hoạt động kinh tế		91.441,00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		56.473,00
10	Chi bảo đảm xã hội		37.530,00
11	Chi thường xuyên khác		12.728,00
III	Dự phòng ngân sách		15.973,00
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		-
V	Chi trả nợ NS Tỉnh		-
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CỦA NS TỈNH		1.230,00



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						Chi nguồn bổ sung NS tỉnh	
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	799.880	226.800	555.877	15.973	-	-	-	-	1.230,00
I	CHI XDCB	226.800	226.800							
II	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	555.877		555.877,00						
II.1	Chi từ nguồn SN kinh tế	91.441,00		91.441,00						
1	Phòng kinh tế	1.265,00		1.265,00						
2	Đội Kiểm tra TTĐT & MT	1.374,26		1.374,26						
3	Trung tâm DV kỹ thuật NN	3.132,17		3.132,17						
4	Tài nguyên & Môi Trường	1.560,00		1.560,00						
5	Hội nông dân thành phố	500,00		500,00						
6	Ban quản lý dự án đầu tư TP	36.850,00		36.850,00						
7	Phòng Quản lý đô thị	10.150,00		10.150,00						
8	Dịch vụ công ích	30.000,00		30.000,00						
9	KP chi theo tiến độ công việc (1)	6.609,58		6.609,58						
II.2	Chi SN môi trường (2)	77.863,00		77.863,00						



STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó						Chi nguồn bổ sung NS tỉnh		
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG				
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	Trong đó Phòng TN&MT	300,00		300,00							
II.3	Chi từ nguồn SN giáo dục, đào tạo	237.916,00		237.916,00							
1	Phòng giáo dục	208.290,68		208.290,68							
2	T. tâm GD nghề nghiệp & GD TX	1.989,05		1.989,05							
3	Thành ủy (Tr.tâm Bồi dưỡng C.tri)	1.244,00		1.244,00							
4	Phòng LĐTBXH	5.000,00		5.000,00							
5	KP thực hiện chính sách hỗ trợ HS, SV	7.740,00		7.740,00							
6	KP dự nguồn biên chế, các chế độ giáo viên, học sinh, khác...	13.652,27		13.652,27							
II.4	Chi từ nguồn SN y tế, dân số	20.816,00		20.816,00							
1	Phòng Y tế	868,00		868,00							
2	Kinh phí hđ chống dịch	1.240,00		1.240,00							
3	KP bảo hiểm xã hội cho các đối tượng	18.708,00		18.708,00							
II.5	Chi từ SN VH TT, TDTT, đài	8.950,00		8.950,00							
1	Trung tâm truyền thông	5.950,00		5.950,00							
2	KP hđ cho các ngày lễ lớn, thiết chế văn hóa	3.000,00		3.000,00							



	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						Chi nguồn bổ sung NS tỉnh		
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG				
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
II.6	Chi đảm bảo XH	37.530,00		37.530,00							
1	Phòng LĐTBXH	33.465,00		33.465,00							
2	Hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện	4.065,00		4.065,00							
II.7	Chi QL hành chính	56.473,00		56.473,00							
1	VP UBND & HĐND	11.076,15		11.076,15							
2	Phòng Tư pháp	1.387,46		1.387,46							
3	Phòng Tài chính - KH	2.420,75		2.420,75							
4	Phòng Kinh tế	1.477,65		1.477,65							
5	Phòng QLĐT	1.729,74		1.729,74							
6	Phòng LĐTB & XH	2.898,52		2.898,52							
7	Phòng Tài nguyên & Môi trường	1.725,23		1.725,23							
8	Phòng Y tế	601,02		601,02							
9	Phòng Văn hoá	1.102,52		1.102,52							
10	Trung tâm hành chính công	4.040,54		4.040,54							
11	Phòng Nội vụ	3.662,28		3.662,28							
12	Thanh tra nhà nước	1.126,73		1.126,73							
13	Phòng giáo dục QLNN	900,52		900,52							



	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						Chi nguồn bổ sung NS tỉnh			
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG					
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
14	Thành uỷ	14.263,83		14.263,83								
15	Khối MTTQ và các đoàn thể CTXH	6.013,58		6.013,58								
16	Liên đoàn Lao động TP	150,00		150,00								
17	KP các ban chỉ đạo cấp huyện, khác	1.896,47		1.896,47								
II.8	Chi khác NS	12.728,00		12.728,00								
1	Hội người mù TP	194,00		194,00								
2	Hội nạn nhân chất độc da cam TP	50,00		50,00								
3	Hội Luật gia	50,00		50,00								
6	Hội Khuyến học TP	50,00		50,00								
7	Hội Văn học nghệ thuật TP	50,00		50,00								
8	KP đảm bảo hoạt động xử phạt	350,00		350,00								
	- Công an Thành phố	350,00		350,00								
9	Chi khác (chi cho các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán các đơn vị)	11.884,00		11.884,00								
II.9	Chi Quốc phòng; Chi An ninh, phòng cháy, c.cháy	12.160,00		12.160,00								
1	Quân Sự (Ban chỉ huy Quân sự)	10.213,00		10.213,00								
2	Chi an ninh; PCCC	1.947,00		1.947,00								
III	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	15.973,00										
												15.973,00



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						Chi nguồn bổ sung NS tỉnh	
			Chi đầu tư phát triển (Không kê chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kê chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
IV	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-								
V	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CỦA NS TỈNH	1.230,00								1.230,00



DỰ TOÁN CHI ĐTPT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi NN, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG SỐ	226.800	12.000	0	10.000	1.200	0	4.700	0	0	0	197.680	124.510	2.000	1.220	0	0	
1	Ban QLDA công trình	203.950	12.000			1.200						190.150	123.250		600			
2	BQL DT & rừng QG Yên Tử	2.000						2.000										
3	BCH Quân sự	10.000			10.000													
4	Phòng Quản lý đô thị	0																
5	Phòng Văn hóa	0																
6	Trung tâm truyền thông văn hóa	0																
7	UBND các xã, phường	10.850						2.700				7.530	1.260	2.000	620			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó										
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi VH TT; PT, TH, thông tin; thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo hiểm xã hội	Chi thường xuyên khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Phòng LĐTBXH	5.000,00	5.000,00										
5	40% HP do NSNN hỗ trợ dành nguồn DPCCTL để tại NSTP	7.740,00	7.740,00										
6	Kinh phí dự nguồn lương bc và lương HĐLĐ, khác..	13.652,27	13.652,27										
V	SN y tế, dân số	20.816,00				20.816,00							
1	Phòng Y tế	868,00				868,00							
2	Kinh phí hỗ trợ chống dịch	1.240,00				1.240,00							
3	KP hỗ trợ BHYT cho các đối tượng chính sách bao gồm BHYT cho CB hưu xã (trừ học sinh, sinh viên)	18.708,00				18.708,00							
VI	SN văn hóa TT, truyền thông, TĐTT	8.950,00						8.950,00					
1	Trung tâm truyền thông	5.950,00						5.950,00					
2	KP hỗ trợ cho các ngày lễ lớn	3.000,00						3.000,00					
VII	Đảm bảo XH	37.530,00										37.530,00	
1	Phòng LĐTBXH	33.465,00										33.465,00	
2	Hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện	4.065,00										4.065,00	
VIII	Quản lý hành chính	56.473,00											56.473,00
1	VP UBND & HĐND	11.076,15											11.076,15
2	Phòng Tư pháp	1.387,46											1.387,46
3	Phòng Tài chính - KH	2.420,75											2.420,75
4	Phòng Kinh tế	1.477,65											1.477,65
5	Phòng QLĐT	1.729,74											1.729,74
6	Phòng LĐTB & XH	2.898,52											2.898,52
7	Phòng Tài nguyên & Môi trường	1.725,23											1.725,23
8	Phòng Y tế	601,02											601,02



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN

(Kèm theo Thông báo số: 816/TB-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Thu NSDP hưởng 100%	Chia ra		Cân đối từ nguồn CCTL tại đơn vị	Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Tổng chi cân đối NSDP
					Tổng số	Trong đó: Phân NSDP được hưởng			
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=2+6+7
	TỔNG SỐ	487.232,40	52.318,10	21.170,40	466.062,00	31.147,90	-	34.816,90	87.135,00
1	Phường Quang Trung	197.747,40	9.779,80	5.970,40	191.777,00	3.809,40		-	9.779,80
2	Phường Thanh Sơn	15.380,00	7.332,00	2.280,00	13.100,00	5.052,00		1.616,10	8.948,10
3	Phường Vàng Danh	18.255,00	7.165,70	1.440,00	16.815,00	5.725,70		1.747,10	8.912,80
4	Phường Yên Thanh	88.970,00	6.211,50	3.520,00	85.450,00	2.691,50		1.816,10	8.027,60
5	Phường Trung Vương	26.962,00	5.951,70	1.492,00	25.470,00	4.459,70		3.226,50	9.178,20
6	Phường Nam Khê	6.820,00	2.982,50	1.070,00	5.750,00	1.912,50		4.312,40	7.294,90
7	Phường Phương Đông	121.300,00	7.311,40	3.160,00	118.140,00	4.151,40		1.938,40	9.249,80
8	Phường Phương Nam	4.235,00	2.306,50	1.340,00	2.895,00	966,50		6.985,50	9.292,00
9	Phường Bắc Sơn	2.598,00	1.083,50	548,00	2.050,00	535,50		7.131,80	8.215,30
10	Xã Thượng Yên Công	4.965,00	2.193,70	350,00	4.615,00	1.843,70		6.042,70	8.236,40